

# NƯỚC MỸ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN Ở VÙNG VỊNH

Đỗ Trọng Quang

## Tình hình nội chiến Iraq

Nội chiến là một cuộc xung đột dữ dội, do các nhóm có tổ chức ở một nước gây ra, nhằm chiếm chính quyền hoặc làm thay đổi chính sách của chính phủ. Các nhà chính trị học đôi khi ước định rằng, một cuộc xung đột mà trong đó ít nhất có trên 1.000 người thiệt mạng thì đấy là nội chiến, và như vậy, đã có khoảng 125 cuộc nội chiến xảy ra từ khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Cuộc xung đột ở Iraq, cướp đi sinh mạng trên 60.000 người trong hơn ba năm, đã đứng hàng thứ chín trong các cuộc nội chiến đẫm máu nhất kể từ năm 1945, tuy những người phát ngôn của Chính phủ Mỹ thường tranh cãi với giới báo chí rằng cuộc xung đột đó liệu có thể được miêu tả đúng là nội chiến không. Nếu công nhận đấy là nội chiến thì chiến lược của Mỹ phải thay đổi.

*Trước hết*, phương tiện thông tin đại chúng Hoa Kỳ sẽ giải thích sự thay đổi chiến lược của Nhà Trắng là một nhượng bộ lớn, một sự thừa nhận công khai rằng hy vọng đã tiêu tan và chính sách đã thất bại. *Thứ hai*, chính phủ lo ngại rằng nếu công chúng Mỹ coi bạo lực ở Iraq là nội chiến, thì họ sẽ đặt câu hỏi: "Nếu đó là nội chiến, thì chúng ta đang làm gì ở đây, dính líu vào cuộc ẩu đả của người khác chẳng?" Vậy nội chiến ở Iraq có hàm ý gì đối với những điều đã đạt được tại đây, và Washington sẽ theo đuổi chiến lược nào?

Quả thật nội chiến đang phát triển ở Iraq, một cuộc xung đột có thể so sánh về nhiều phương diện với những cuộc nội chiến khác đã xảy ra ở thời kỳ hậu-thuộc địa tại những nước có thể chế chính trị yếu. Chính quyền của Tổng thống George W. Bush mong muốn xây dựng ở Iraq một chế độ ổn định và dân chủ, có thể tồn tại sau khi quân đội Mỹ rút về nước, nhưng mục tiêu chính trị đó tỏ ra phi hiện thực. Do mục tiêu phi hiện thực, nên chiến lược quân sự sẽ thất bại dù Chính phủ Hoa Kỳ lựa chọn phương án tăng thêm quân như tổng thống đề nghị, hay binh lính Mỹ chỉ còn đảm nhiệm sứ mệnh huấn luyện cho lực lượng vũ trang bản địa.

Ngay dù quân chiến đấu Mỹ tăng thêm có thể làm giảm bạo lực tại Iraq, và tranh thủ thời gian để các phe phái thương lượng với nhau chia sẻ quyền lực trong chính phủ, nhưng sau khi binh lính Mỹ được rút bớt, chẳng có gì bảo đảm là bạo lực không bùng phát trở lại. Ít khi thỏa thuận chia sẻ quyền lực có thể khiến nội chiến chấm dứt. Ví dụ, xung đột giữa hai giáo phái Sunni và Shi'a đã phát triển cao độ tại Somalia, các nhóm vũ trang của cả hai phía đều tin rằng mình có thể giành quyền kiểm soát chính phủ sau khi quân đội Mỹ rút đi.

Trong cuộc nội chiến ở Iraq giữa người Ả-rập Sunni và dân Ả-rập Shi'a, chính phủ do người Shi'a chi phối có thể thiên vị công khai về một phía. Kết quả là, Tổng thống Bush mong

muốn xây dựng thành công một chính phủ ổn định tại Iraq, nhưng ngày càng đứng về phía người Shi'a, như thế không có lợi cho cả Hoa Kỳ lẫn một nền hòa bình và ổn định lâu dài trong khu vực. Chính phủ do người Shi'a chi phối chưa thể giành thắng lợi quân sự quyết định, vì các tỉnh đông dân Sunni có điều kiện thuận lợi để tổ chức một cuộc nổi dậy. Hơn nữa, chiều hướng này có thể khuyến khích người Sunni tìm kiếm sự ủng hộ của al-Qaeda tại Iraq để chống quân đội Iraq và lực lượng dân quân Shi'a.

Chừng nào Chính quyền Bush còn hà hơi tiếp sức cho Chính phủ của Thủ tướng Nouri al-Maliki hay một chính phủ tương tự kế nhiệm ở Iraq, thì người Mỹ còn ít có ảnh hưởng với hầu hết các bên liên quan. Trái lại, nếu không tuyệt đối ủng hộ chính phủ đó nữa, chuyển binh lính khỏi các chiến trường trung tâm, thì Mỹ sẽ tăng thêm được ảnh hưởng quân sự và ngoại giao ở hầu hết các mặt trận. Làm như vậy không giúp Chính phủ Hoa Kỳ nhanh chóng chấm dứt nội chiến ở Iraq có thể kéo dài, nhưng cho phép Hoa Kỳ đóng một vai trò cân bằng giữa các bên tham chiến, đóng góp vào một giải pháp ổn định mà trong đó lợi ích của người Sunni, người Shi'a và dân Kurd đều được đại diện công bằng trong một chính phủ thích đáng. Tuy nhiên, nếu người Iraq quyết định thỏa thuận với nhau chia sẻ quyền lực, một mục tiêu cũng của chính sách Hoa Kỳ, thì họ chỉ đạt được thỏa thuận sau khi đánh nhau dữ dội.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, kết thúc nội chiến không phải dễ. Từ năm 1945, nội chiến kéo dài trung bình 10 năm, hình như do cách tiến hành xung đột. Các nhóm nổi dậy thường sử dụng chiến thuật du kích, hoạt động ở vùng nông thôn các nước hậu-thuộc địa có chính quyền, cảnh sát, và

quân đội yếu. Nội chiến giống như cuộc phân tranh Nam-Bắc ở Hoa Kỳ hồi thế kỷ XVIII, với quân đội hai bên đối mặt nhau dọc chiến tuyến, đã không còn nữa. Điển hình hơn là những vụ xung đột ở Algeria, Sri Lanka, Colombia, miền Nam và miền Tây Sudan. Trong những cuộc xung đột đó, chiến tranh du kích có thể là một chiến thuật cực kỳ mạnh, cho phép các toán quân nổi dậy kiểm soát phần nào những vùng đất rộng lớn trong nhiều năm, mặc dù chính phủ phát động những chiến dịch tốn kém và tàn bạo chống lại.

Nội chiến tại Iraq bùng nổ năm 2004, mới đầu là cuộc chiến tranh du kích chủ yếu ở đô thị do các nhóm Sunni phát động với hy vọng đánh đuổi người Mỹ để giành lại quyền lực mà họ nắm được dưới thời Saddam Hussein. Xung đột leo thang năm 2006 khi các toán dân quân Shi'a sinh sôi nảy nở và được tăng cường để bảo vệ người cùng giáo phái chống quân nổi dậy Sunni. Ta có thể so sánh kiểu chiến tranh du kích đô thị này với cuộc xung đột dữ dội đã làm hỗn loạn các thành phố Thổ Nhĩ Kỳ từ năm 1977 đến 1980. Theo ước tính, thì xung đột giữa các toán dân quân và các phần tử bán quân sự địa phương ở Thổ Nhĩ Kỳ, hoặc liên kết với "phái tả" hoặc theo "phái hữu", đã cướp đi sinh mạng hơn 20 người mỗi ngày trong hàng nghìn vụ tấn công, phản công, và ám sát. Mở đầu là vụ thảm sát của phái hữu ở thành phố Kahramanmaras tháng 12 năm 1978, các cuộc xung đột giữa hai phái tả và hữu đã leo thang thành bạo lực sắc tộc.

Giống như ở Iraq ngày nay, tổ chức chiến binh Thổ Nhĩ Kỳ chia thành phe phái và mang tính địa phương cao độ, xung đột thường giống bạo lực của các băng nhóm tội phạm ở đô thị. Chẳng khác ở Iraq, các băng nhóm và các toán dân quân có quan hệ mờ ám

với những chính đảng đang kiểm soát nghị viện quốc gia. Sự kinh dị chính trị gay gắt giữa các thủ lĩnh Thổ Nhĩ Kỳ, cùng với quan hệ giữa họ và các phân tử bán vũ trang, đã ngăn cản chế độ dân chủ hành động quyết liệt để chấm dứt bạo lực. Sợ rằng các chỉ huy cấp dưới trong quân đội tiêm nhiễm ảnh hưởng sự tranh chấp phe phái trong xã hội nói chung, các nhà lãnh đạo quân sự tiến hành cuộc đảo chính tháng 9/1980, sau đó phát động một làn sóng đàn áp các toán dân quân và các băng nhóm của cả phái hữu lẫn phái tả. Nạn khủng bố đô thị chấm dứt, chế độ thống trị quân sự được thiết lập.

Tại Iraq ngày nay, nếu Hoa Kỳ rút quân về nước thì có khả năng xảy ra một cuộc đảo chính mà trong đó một nhóm sĩ quan tuyên bố chính phủ không hoạt động có hiệu quả, cần có một bàn tay mạnh đem lại trật tự. Tuy vậy, ít có khả năng một chế độ quân sự tại Iraq noi gương được chế độ quân sự ở Thổ Nhĩ Kỳ đầu những năm 1980. Quân đội Thổ Nhĩ Kỳ là một thiết chế mạnh hành động tương đối độc lập và trung thành với lý tưởng quốc gia. Tuy quân đội ủng hộ phái hữu hơn phái tả, nhưng dân chúng vẫn cho là nó đứng ngoài cuộc xung đột bè phái, và như vậy quân đội là lực lượng can thiệp đáng tin cậy.

Ở Iraq thì ngược lại, quân đội và cảnh sát ít độc lập đối với xã hội và chính trị. Cảnh sát giống như một toán dân quân mặc sắc phục khác, đôi khi được Hoa Kỳ huấn luyện. Quân đội độc lập hơn chút ít, nhưng do phái Shi'a khống chế, cho nên nếu một nhóm sĩ quan quân đội giành chính quyền, thì có thể nhiều người cho là họ hành động vì một phái Shi'a nào đó, và đưa quân đội đến chỗ chia rẽ thành bè phái.

Nhìn lại tình hình Lebanon năm 1975-1976, ta có thể hiểu rõ hơn

những gì xảy ra ở Iraq. Lúc bạo lực giữa các toán dân quân Thiên chúa giáo và các nhóm thuộc Tổ chức Giải phóng Palestine bắt đầu leo thang năm 1975, thì ban lãnh đạo quân đội Lebanon đứng ngoài cuộc xung đột vì thấy quân đội có thể tan vỡ nếu định can thiệp. Nhưng khi xung đột leo thang, thì cuối cùng quân đội can thiệp, thế là tan rã. Lebanon bước vào thời kỳ xung đột mà trong đó các toán dân quân Sunni, Shi'a, Thiên chúa giáo và PLO (Mặt trận Giải phóng Palestine) thỉnh thoảng đánh lẫn nhau. Sự can thiệp quân sự của Syria và Israel đôi khi làm giảm bạo lực, đôi khi làm bạo lực leo thang.

Một kịch bản tương tự đang diễn ra ở Iraq. Dù lực lượng Hoa Kỳ đi hay ở, vùng đất phía nam các khu vực người Kurd có thể ngày càng giống Lebanon trong cuộc nội chiến kéo dài. Quyền lực chính trị thật sự sẽ được chuyển giao cho các miền hay các thành phố, và sau một thời kỳ căng thẳng để hoạch định ranh giới, xung đột giáo phái thỉnh thoảng lại bắt đầu, điểm vào đây là những chiến dịch lớn hơn được các thế lực bên ngoài giúp đỡ và cung cấp tiền bạc. Giống như ở Lebanon, có thể có sự can thiệp của các nước láng giềng, đặc biệt của Iran.

Nội chiến cuối cùng kết thúc bằng thắng lợi quân sự quyết định của một bên. Trong 55 cuộc nội chiến nổ ra nhằm giành quyền kiểm soát chính quyền trung ương, ít nhất 75 phần trăm kết thúc với thắng lợi nghiêng về một phía. Thương lượng để chia nhau quyền lực thường diễn ra giữa cuộc nội chiến nhờ sự can thiệp của các nước hay các thiết chế quốc tế. Thỏa thuận đó ít khi có tác dụng vì các bên tham chiến sợ và ngờ vực nhau. Bên này sợ bên kia dùng sức mạnh giành chính quyền, và đồng thời chính họ cũng muốn sử dụng sức mạnh để đoạt

chính quyền. Nếu một toán dân quân sợ toán bên kia dùng sức mạnh để kiểm soát quân đội hay một thành phố, thì họ rất muốn dùng sức mạnh để ngăn điều đó xảy ra. Trong không khí sợ hãi và ngờ vực nhau, thỏa thuận trên giấy để chia sẻ quyền lực, chia nhau quyền kiểm soát quân đội hay nguồn thu nhập về dầu lửa chẳng hạn, vẫn chỉ nằm trên giấy. Thỏa thuận đó có thể tồn tại khi một bên thứ ba hùng mạnh ngấm đe dọa can thiệp để ngăn cản việc tranh giành chính quyền bằng bạo lực.

Chính quyền của Tổng thống Bush định giúp thành lập một Chính phủ Iraq dựa trên thỏa thuận chia sẻ quyền lực giữa các nhà lãnh đạo Sunni, Shi'a, và người Kurd, nhưng đã làm điều đó giữa lúc nội chiến đang leo thang. Bằng chứng lịch sử cho thấy đây là việc làm vô ích, thậm chí khiến mọi người không còn tin rằng chính phủ có thể đứng vững một mình mà không cần sự hỗ trợ của bên thứ ba. Như vậy cuộc can thiệp quân sự của Hoa Kỳ tại Iraq không thể tạo ra một chính phủ có thể tự mình tồn tại dù quân Mỹ ở lại thêm mười tháng hay mười năm.

Iraq năm 2007 không phải là trường hợp việc chia sẻ quyền lực có thể chấm dứt nội chiến. *Thứ nhất*, chỉ có thể đạt một thỏa thuận vững chắc sau khi xung đột đã làm rõ tương quan lực lượng quân sự của các bên. Mỗi bên đều hiểu mình không thể giành mọi thứ mình muốn bằng bạo lực. Ví dụ, thỏa thuận Dayton chia sẻ quyền lực giữa các bên tham chiến ở Bosnia đòi hỏi chẳng những NATO phải can thiệp để buộc họ ngồi vào bàn thương lượng và thực hiện thỏa thuận, mà còn mất hơn ba năm xung đột dữ dội đã khiến các bên lâm vào thế bế tắc mùa Hè năm 1995.

*Thứ hai*, thỏa thuận chia sẻ quyền lực chỉ tồn tại nếu mỗi bên đều đoàn kết chặt chẽ trong nội bộ. Làm sao một bên có thể mong bên kia thực hiện thỏa thuận nếu mình không kiểm soát được chính thành viên của mình? Ví dụ, dự định thỏa thuận chia sẻ quyền lực để chấm dứt nội chiến ở Somalia và Burundi đã thất bại trong nhiều năm do nội bộ các nhóm nổi dậy có sự chia rẽ. Trái lại, sự đoàn kết nội bộ của một phe nổi dậy đôi khi đưa đến hiệp ước hòa bình, như trường hợp cuộc chiến tranh thứ nhất giữa quân nổi dậy ở miền Nam Sudan kết thúc với chính phủ trung ương năm 1972.

Tiếc thay, những điều kiện đó không tồn tại ở Iraq do các nguyên nhân sau. *Thứ nhất*, có nhiều nhóm Sunni vũ trang tin rằng nếu quân đội Mỹ không ở đây, họ có thể giành lại quyền kiểm soát Baghdad cùng các nơi khác, đồng thời có nhiều nhóm Shi'a nghĩ rằng họ chiếm đa số trong dân cư nên có thể duy trì sự khống chế chính trị ở Iraq. Hơn nữa, giữa người Shi'a với nhau, Muqtada al-Sadr hình như tin rằng ông ta có thể giành quyền kiểm soát từ tay đối thủ nếu quân Mỹ rời khỏi Iraq. Thật vậy, nếu quân Mỹ rút đi, thì bạo lực giữa các toán dân quân Shi'a có thể leo thang hơn nữa. Xung đột công khai giữa các toán dân quân Shi'a lại tái khẳng định niềm tin của quân nổi dậy Sunni rằng họ có khả năng chiếm lại chính quyền.

*Thứ hai*, cả người Shi'a lẫn người Sunni đều chia thành nhiều bè phái. Các nhà chính trị Shi'a ít nhất chia thành bốn đảng, một trong đó là đảng Dawa của Thủ tướng Maliki lại chia thành ba phái lớn. Muqtada al-Sadr thường được phương tiện thông tin đại chúng Hoa Kỳ miêu tả là thủ lĩnh toán dân quân Shi'a lớn nhất và hung hăng nhất ở Iraq. Người Sunni cũng chia rẽ giữa các bộ tộc ở ngoài

Baghdad, và tình trạng vô chính phủ về tổ chức của đạo Hồi Sunni hình như làm cho sự phối hợp toàn nhóm vô cùng khó khăn.

Nếu như Maliki có uy quyền như của Nelson Mandela ở Nam Phi, có một đảng đoàn kết với nhau chặt chẽ như ANC (Đại hội Dân tộc Phi) trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa apartheid, thì ông ta có thể lôi kéo sự ủng hộ của các thủ lĩnh Sunni và đưa họ vào chính phủ. Nhưng sự kình địch trong nội bộ Shi'a khiến chính phủ hầu như hoàn toàn rệu rã, các bộ trưởng thấy cách lựa chọn tốt nhất là tranh thủ tổ chức dân quân để chuẩn bị cho cuộc ẩu đả sắp tới.

Tại Iraq, tăng cường nội chiến được xem là cách duy nhất để đi tới một giải pháp khả thi cho vấn đề cai trị đất nước. Nội chiến tăng lên sẽ cho thấy cán cân lực lượng nghiêng về bên nào, để hoặc một bên giành thắng lợi hoặc cả hai bên thương lượng với nhau giải quyết xung đột. Nếu cánh cửa hé mở cho giải pháp thương lượng, thì cần có một lực lượng gìn giữ hòa bình quốc tế để kết quả trở thành hiện thực. Nếu xung đột còn xảy ra, thì hy vọng quân đội Iraq sẽ hành động có hiệu quả và công bằng chống lực lượng nổi dậy và các toán dân quân của cả hai bên.

Giả sử các phần tử nổi dậy Sunni và các toán dân quân Shi'a tiếp tục đánh nhau, tấn công binh lính Mỹ, giết hại thường dân, thì nếu Chính quyền Bush vẫn bám lấy chủ trương "tiếp tục đi đến cùng để đạt thắng lợi", mà trong đó tăng thêm quân là khả năng lựa chọn, thì ngày càng rõ người Mỹ đứng về phía dân Shi'a trong một cuộc chiến tranh tàn khốc. Quân đội Mỹ có thể đóng vai trò tích cực trong việc làm giảm bạo lực, nhưng chừng nào Hoa Kỳ còn tìm cách thiết lập một Chính phủ Iraq trên điều kiện

Tổng thống Bush đề ra, thì chức năng chính của binh lính Hoa Kỳ vẫn là hỗ trợ Chính phủ Maliki hay những chính quyền kế nhiệm.

Ngay dù lực lượng dân quân Shi'a có thể đuổi người Sunni khỏi Baghdad, thì cũng không chắc họ có khả năng loại bỏ cuộc nổi dậy tại các tỉnh đông dân Sunni ở miền Tây Iraq hay ngăn cản các cuộc tấn công tại Baghdad cũng như ở các nơi sinh sống khác của người Shi'a. Nói cách khác, chính sách hiện thời của Hoa Kỳ sẽ không ngay lập tức đưa tới một thắng lợi quân sự quyết định. Ngoài ra, Hoa Kỳ ủng hộ một Chính phủ Iraq do Shi'a chi phối sẽ khiến người Sunni ở Iraq hay tại các nước mà dân Sunni chiếm đa số có lý do liên minh với al-Qaeda ở Iraq.

Để có những lựa chọn tốt hơn nữa, Chính phủ Mỹ phải ngừng hỗ trợ quân sự vô điều kiện cho chính quyền do giáo phái Shi'a chi phối. Việc Washington ủng hộ Chính phủ của Maliki đã phá hoại ảnh hưởng ngoại giao và quân sự của Hoa Kỳ với hầu hết các bên liên quan trong nước và khu vực, vì thế nên chấm dứt sự cam kết ủng hộ đó bằng cách chuyển quân chiến đấu ra khỏi các chiến trường trung tâm. Khi quân Mỹ rút đi, Washington sẽ có nhiều ảnh hưởng hơn với Iran và Syria, binh lính Mỹ không còn hoàn toàn sa lầy tại Baghdad và tỉnh Andar. Động thái đó không làm cho nội chiến ở Iraq chấm dứt nhanh chóng, nhưng cho phép Hoa Kỳ đóng một vai trò cân bằng để cuối cùng đi tới một giải pháp ổn định mà trong đó lợi ích của người Sunni, người Shi'a, và dân Kurd đều được đại diện trong một chính phủ thỏa đáng.

### **Thời gian để hòa hoãn với Iran**

Năm năm sau khi Chính phủ Bush nhất quyết làm khu vực Trung Đông biến đổi, các rủi ro của Washington

tại Iraq, sự vươn lên của người Shi'a đã một thời bị gạt ra ngoài lề, ưu thế của các đảng Hồi giáo... đã đẩy Trung Đông đến bờ vực hỗn loạn. Đứng giữa cảnh hỗn loạn đó là nước Cộng hòa Hồi giáo Iran, chế độ nước này không những tránh được cuộc tấn công của Hoa Kỳ, mà còn nâng cao được ảnh hưởng của Iran trong khu vực.

Hiện nay, Iran là trung tâm các vấn đề lớn của Trung Đông, từ các cuộc nội chiến bùng phát tại Iraq và Lebanon đến thách thức về an ninh của vịnh Persia. Khó mà hình dung các vấn đề đó được giải quyết nếu không có sự hợp tác của Iran. Trong khi đó, uy thế của Iran được nâng cao do một chương trình hạt nhân tiếp tục được thực hiện mặc dù cộng đồng quốc tế phản đối.

Diễn biến gần đây đã đặt Washington vào thế lúng túng. Kể từ khi cách mạng Hồi giáo đánh đổ quốc vương năm 1979, Hoa Kỳ đã theo đuổi một loạt chính sách không rõ ràng đối với Tehran. Hoa Kỳ nhiều lúc tìm cách lật đổ chế độ này, thậm chí đôi khi đe dọa sử dụng quân sự, nhưng ở những lúc khác, Washington lại cố gắng thương lượng về một loạt vấn đề. Trong suốt những năm tháng đó, Hoa Kỳ tìm cách hạn chế ảnh hưởng của Iran, nhưng mọi cách làm đều không có kết quả, nhất là chính sách kiềm chế vẫn là chiến lược được lựa chọn trong khi thảo luận về Iran.

Nếu Hoa Kỳ muốn chế ngự Iran, thì phải xem lại chiến lược của mình, vì ảnh hưởng ngày càng tăng của Iran không thể bị hạn chế. Washington nên tránh dùng biện pháp quân sự, tránh thi hành chính sách kiềm chế mà nên sử dụng một chính sách hòa hoãn mới với Iran. Người Mỹ nên tạo cho các phần tử thực dụng ở Tehran một cơ hội nối lại quan hệ ngoại giao và kinh tế. Trước triển vọng thiết lập quan hệ mới với Hoa Kỳ, phái thực

dụng có thể gạt phe cực đoan ở Tehran để cân cân lực lượng nghiêng về phía mình. Washington nhận thấy sự thật đó càng sớm và bình thường hóa quan hệ với kẻ thù dai dẳng nhất ở Trung Đông, thì càng tốt.

Lúc thảo luận về Iran, Tổng thống Bush thường nhấn mạnh rằng "tất cả các cách lựa chọn đều đang đặt trên bàn", tức là Washington có thể dùng sức mạnh nếu tất cả các phương án khác đều thất bại. Lời đe dọa đó không tính đến một sự thật là, Iran đã phân tán thiết bị hạt nhân khắp nơi trong nước và đặt nó sâu trong lòng đất. Để đánh phá cơ sở hạt nhân của Iran, người Mỹ phải khắc phục khó khăn về tình báo để dò tìm địa điểm và khó khăn về hậu cần để tấn công. Kinh nghiệm ở Iraq cho thấy tin tức tình báo đã sai lạc khi khẳng định về vũ khí hạt nhân của Saddam Hussein. Ngay dù tấn công quân sự có thành công, thì cũng không khiến chế độ thần quyền hết tham vọng hạt nhân, họ sẽ xây dựng lại cơ sở bị tàn phá.

Nhưng nếu không dùng sức mạnh quân sự, mà đối thoại có điều kiện như Ngoại trưởng Condoleezza Rice đề nghị thì sao? Tháng 5/2006, bà Rice tiến một bước lớn khi thông báo Hoa Kỳ sẵn lòng tham gia cuộc thương lượng nhiều bên với Iran về vấn đề hạt nhân, nếu Iran ngừng làm giàu uranium. Nhưng lời tuyên bố chỉ coi cuộc tranh chấp giữa Hoa Kỳ với Iran đơn thuần là vấn đề giải trừ quân bị. Thực ra, mâu thuẫn chính trị và chiến lược giữa hai nước sâu xa hơn nhiều, và đòi hỏi một cách tiếp cận bao quát hơn.

Do thực tế khó chấp nhận này, nhiều nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ bắt đầu chuyển sang cái mà họ coi là cách lựa chọn ít bị phản đối nhất: sự kiềm chế. Họ hy vọng sức ép ngoại giao và trừng phạt kinh tế sẽ ngăn

cản ý đồ của Tehran trong tương lai gần, và cuối cùng sẽ dẫn đến một chính phủ Iran phù hợp hơn với lợi ích của Mỹ. Ý tưởng kiểm chế Iran chẳng phải là mới, nó đã là chính sách trên thực tế của Hoa Kỳ dưới hình thức này hay hình thức khác từ khi nước Cộng hòa Hồi giáo Iran mới ra đời. Ý tưởng đó được cả Thượng viện và Hạ viện Hoa Kỳ tán thành rộng rãi. Nhưng người ta phải trả lời câu hỏi: Liệu có thể thật sự kiểm chế một quốc gia gián tiếp phát triển ảnh hưởng mình, như liên kết với các đảng Shi'a nước ngoài chẳng? Liệu các quốc gia khác trong khu vực có sẵn lòng giúp Hoa Kỳ cô lập Iran không?

Nếu xem xét hợp lý các khả năng lựa chọn, thì Hoa Kỳ sẽ nhanh chóng trả lời những câu hỏi đó là không. Nhưng chính sách của Hoa Kỳ đã bị sự ngờ vực Tehran theo bản năng chi phối. Trong những ngày sôi nổi sau cuộc cách mạng Hồi giáo năm 1979, cơn thịnh nộ của chủ nghĩa Hồi giáo Iran có vẻ đáng sợ và lan truyền một cách nguy hiểm. Giới giáo sĩ cầm quyền coi biên giới của Iran là di sản của một quá khứ không được tin cậy, và có vẻ muốn xuất khẩu cách mạng. Tuy nhiên, giấc mơ cách mạng của Iran đã tàn tạ trên các chiến trường Iraq những năm 1980. Cuộc chiến tranh tốn kém với Baghdad buộc giới giáo sĩ cầm quyền phải nhận thức được những hạn chế của mình, và tham vọng của mình không thể thực hiện. Chính sách đối ngoại của Tehran đã trở thành thực dụng.

Mặc dù vậy, nhận thức về Iran như một yếu tố gây mất ổn định đã ăn sâu trong óc tưởng tượng của Hoa Kỳ, mặc dù Iran không còn là một quốc gia cực đoan và nay đã trở thành một cường quốc cỡ trung bình đang muốn giành thế vượt trội trong khu vực. Nói cách khác, Iran không còn là một quốc gia

cách mạng muốn xuất khẩu mô hình nhà nước của mình bằng vũ lực.

Thật sự là chính sách kiểm chế không có tác dụng, thất bại của nó đã được chứng minh trong báo cáo của Bộ Ngoại giao Mỹ, nói chi tiết về việc Iran tiếp tục ủng hộ chủ nghĩa khủng bố và cảnh báo về những tiến bộ của nước đó trong chương trình hạt nhân. Trừng phạt và các hình thức khác của sức ép không ngăn cản được hành động của Iran. Tệ hại hơn nữa là, Chính quyền Bush gần đây đã thực hiện những biện pháp làm cho việc kiểm chế trở thành một chính sách kém hiệu quả. Cuộc tấn công vào Iraq làm lợi cho Iran khi các đảng Shi'a địa phương đồng tình với Tehran. Đã qua rồi những ngày một nước Iraq hùng mạnh do giáo phái Sunni chi phối có thể đối trọng với thế lực Shi'a ở Iran. Người Shi'a không thuần nhất, nhưng các đảng hàng đầu cầm quyền ở Iraq, như đảng Dawa và Hội đồng Tối cao Cách mạng Hồi giáo, có quan hệ mật thiết với Tehran. Nói như thế không có nghĩa là các nhà lãnh đạo mới của Iraq sẵn lòng đặt lợi ích của mình lệ thuộc Iran, nhưng không chắc họ đối đầu với Tehran theo lệnh Washington.

Cũng chẳng nước nào ở Trung Đông có ý định chống Iran. Cách hành xử nông nổi của Hoa Kỳ và việc nước đó không có khả năng đem lại hòa bình ở Iraq càng khiến lòng tin trong khu vực đối với Washington giảm sút. Khuynh hướng chống Mỹ lan rộng lại khiến các chính phủ trong khu vực khó hợp tác với Washington hoặc cho phép lực lượng Hoa Kỳ đóng trên đất mình. Mỹ có thể đưa hải quân đến ngoài khơi và lập căn cứ nhỏ ở những quốc gia đáng tin cậy như Kuwait, nhưng không chắc người Mỹ hiện diện được nhiều trong khu vực. Và khi sức mạnh của Iran tăng lên, các tiểu vương quốc địa phương có thể giúp đỡ nước này hơn là đối đầu.

Cộng đồng quốc tế thì có vẻ tương đối thờ ơ với hành động của Iran. Năm 2005, Chính phủ Mỹ thắng được Iran một vài điểm. Ví dụ, theo yêu cầu của Washington, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc chỉ trích Tehran và thúc ép Iran đình chỉ chương trình hạt nhân. Nhưng mặc dù kết quả tương trưng đó, ít cường quốc lớn hiện nay ủng hộ lệnh trừng phạt nước Cộng hòa Hồi giáo này. Như thế chẳng phải do người Pháp nhu nhược hay người Nga vô nguyên tắc, mà vì đồng minh của Mỹ không cho Iran là mối đe dọa lớn và khẩn cấp.

Đối với các cường quốc này, tham vọng hạt nhân và thậm chí khuynh hướng ủng hộ chủ nghĩa khủng bố của Iran là những thách thức đáng lo ngại nhưng có thể kiểm chế, có thể giải quyết mà chẳng cần đến sức mạnh quân sự hay biện pháp kinh tế cưỡng ép. Trong những ngày đầu của Chiến tranh Lạnh, Hoa Kỳ có thể tập hợp sự ủng hộ để kiểm chế Liên Xô, vì phần lớn các đối tác châu Âu của Mỹ cũng e ngại quốc gia Xô Viết. Nhưng trường hợp Iran ngày nay không giống thế, ngoài Israel ra thì ít bạn bè của Hoa Kỳ có vẻ lo lắng.

Người Mỹ đã có kinh nghiệm đối phó với những nước chống lại mình. Trong những năm cuối 1960 khi sự có mặt của Hoa Kỳ ở châu Á đã giảm đi, nước Trung Hoa bắt đầu biểu dương sức mạnh. Tổng thống Richard Nixon và Cố vấn An ninh Quốc gia Henry Kissinger không phản ứng bằng cách phủ nhận thực tế của sức mạnh đó. Hai người bắt đầu nói chuyện với Bắc Kinh, chẳng bao lâu tranh thủ được sự giúp đỡ của Trung Quốc để chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam và ổn định khu vực Đông Á. Tương tự như vậy, chính sách hòa hoãn của ông Nixon đối với Liên Xô không những tránh được xung đột với Mạc Tư Khoa, mà còn giành được sự

ủng hộ của người Nga về vấn đề kiểm soát vũ khí.

Chẳng rõ Iran có sẵn lòng làm một đối tác thương lượng như Liên Xô và Trung Quốc trước đây không, nhưng có lý do để hy vọng như vậy. Diễn biến gần đây ở Trung Đông đã đặt Tehran trước một tình thế quyết định. Họ phải lựa chọn hoặc cùng tồn tại hòa bình hoặc đối đầu với nước Mỹ. Trước đề nghị chung của Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu mùa Hè năm 2005, Tehran đã nhấn mạnh “sẵn sàng hợp tác lâu dài trong lĩnh vực an ninh, kinh tế, chính trị và năng lượng để đạt được an ninh bền bỉ trong khu vực”. Iran cũng nói rằng “để giải quyết vấn đề trước mắt một cách lâu bền, chẳng có khả năng lựa chọn nào ngoài thừa nhận và loại bỏ gốc rễ và nguyên nhân đã đưa hai bên đến tình thế phức tạp hiện thời”.

Vượt qua được “tình thế phức tạp” hiện thời có thể đòi hỏi Washington phải chú ý hơn nữa đến những thay đổi gần đây ở Tehran. Người Iran cần có một chính sách đối ngoại thích ứng hơn với những thay đổi ở Trung Đông. Sự ra đời một thế hệ lãnh đạo mới đã làm bùng phát những cuộc tranh luận quan trọng trong nội bộ chế độ. Nếu Hoa Kỳ chơi tốt quân bài của mình, thì có thể trở thành một trọng tài quan trọng ở những cuộc tranh luận đó.

Các nhà quan sát phương Tây thường coi việc chính trị nội bộ của Iran là cuộc tranh chấp giữa phái cứng rắn và phái thực dụng, thường chú ý đến những dao động của phong trào cải cách. Họ không thấy điểm chia rẽ hiện nay chẳng phải là giữa phe tả và phe hữu, mà giữa người trẻ và người già, và giữa những người trẻ với nhau.

Không giống các người tiền nhiệm trong những năm 1980, những nhà lãnh đạo mới này, kể cả Tổng thống Mahmoud Ahmadinejad, không còn lên

tiếng tố cáo và âm mưu lật đổ các nền quân chủ ở vùng vịnh Persia và các chính quyền thân phương Tây ở Ai Cập và Jordan. Họ quan tâm đến quan hệ đối ngoại hơn chế độ chính trị của những quốc gia đó. Họ cũng không xuất khẩu cách mạng Iran sang mảnh đất Iraq màu mỡ. Các quan chức Iran tập trung chú ý vào những vấn đề thực tế hơn. Mặc dù họ muốn có một láng giềng thân thiện, nhưng họ không nuôi ảo tưởng là người Shi'a ở Iraq sẽ tuân theo mệnh lệnh của Tehran. Họ tiếp tục ủng hộ các chính đảng Shi'a của Iraq chẳng phải vì họ muốn dựng lên một bù nhìn của Iran, mà vì hy vọng ngăn cản một chế độ khác do giáo phái Sunni chi phối nổi lên.

Các cuộc tranh luận ở Iran ngày nay tập trung vào vấn đề làm thế nào nước mình có thể củng cố phạm vi ảnh hưởng, và khai thác được nhiều nhất vị thế của mình với tính cách một cường quốc khu vực. Việc loại bỏ được Taliban ở Afghanistan và Saddam Hussein, tình cảnh vướng mắc của Mỹ tại Iraq, khiến nhiều chính trị gia Iran thấy cơ hội duy nhất để nước họ vươn lên. Iran bây giờ coi mình là yếu tố không thể thiếu ở Trung Đông.

Một cuộc tranh cãi nữa cũng bùng phát tại Iran để xem xét liệu lợi ích của nước mình có thể được phục vụ tốt nhất bằng cách cùng tồn tại với Hoa Kỳ hay thách thức nước đó. Một bên là các phần tử hăng hái nhất như Tổng thống Ahmadinejad và một số nhân vật quan trọng như Morteza Rezai, Phó Tư lệnh Vệ binh Cách mạng, và Mojtaba Hashemi Samareh, Thứ trưởng Bộ Nội vụ. Kinh nghiệm chính trị của họ không phải là cuộc cách mạng Hồi giáo năm 1979, mà là cuộc chiến ở Iraq những năm 1980. Ahmadinejad cùng đồng minh của ông gọi Hoa Kỳ là "quỷ Satan lớn", một cường quốc tư bản tham lam tìm cách khai thác tài nguyên bản địa.

Bên kia là những người bảo thủ nhưng có xu hướng đề cao chủ nghĩa dân tộc Iran hơn bản sắc Hồi giáo, nhấn mạnh tính thực dụng hơn hệ tư tưởng. Trong số các nhân vật lãnh đạo nhóm này có Ali Larijani, người đứng đầu Hội đồng An ninh Tối cao Quốc gia; Abbas Mohtaj, tư lệnh hải quân Iran; và Ezzatollah Zarghami, người phụ trách hệ thống phát thanh của Iran. Tất cả đều là người dân tộc chủ nghĩa, được định hình bằng cuộc chiến tranh Iran-Iraq, nhưng rút từ đây ra những kết luận khác.

Những người này hình như nghĩ rằng, Chiến tranh Lạnh kết thúc và vị trí địa lý duy nhất của Iran khiến nước này trở thành cường quốc khu vực tự nhiên, và bước tiến bộ của Iran đã bị cản trở bằng sự thái quá về tư tưởng. Theo họ thì cách giải quyết có tính chất thù địch với phương Tây là không cần thiết. Họ nói rằng Iran nên nhận thức được tiềm năng của mình, thương lượng với đối phương những hiệp ước mà đôi bên đều chấp nhận.

### Kết luận

Trong tình hình như vậy ở Trung Đông, cách hữu hiệu để Washington giải quyết mọi vấn đề là thi hành một đường lối sáng tạo. Ở Iraq, Chính phủ Mỹ phải từ bỏ ý nghĩ rằng, gửi thêm một vài lữ đoàn, hay thay đổi chiến thuật sẽ giúp nước đó "tự cai trị, tự duy trì, tự bảo vệ" như lời Tổng thống Bush nói. Đối với Iran, cách tốt nhất là thương lượng trực tiếp về những vấn đề quan trọng. Và nhiều người cũng hy vọng Iran chọn con đường thương lượng ■

### Tài liệu tham khảo:

1. International Politics 2007
2. Foreign Affairs, vol. 86, No. 2
3. Một số tài liệu của các thông tấn xã.